

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-PT
Ngày 15-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do có kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 135/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Bùi Văn G, sinh 1969 và chị Đàm Thị T, sinh 1970. Cùng trú tại: Xóm TT, xã HT, huyện HH, tỉnh ND.

* Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1976 và anh Trần Văn T, sinh năm 1976. Cùng trú tại: Xóm Trần Thuận (Đội 11), xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Đàm Thị T và chị Trần Thị N có mặt. Anh Bùi Văn G có văn bản ủy quyền toàn bộ cho chị Đàm Thị T và anh Trần Văn T có văn bản ủy quyền toàn bộ cho chị Trần Thị N.

NỘI DUNG VỤÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05-6-2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Bùi Văn G và chị Đàm Thị T thống nhất trình bày: Vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Trần Văn T, chị Trần Thị N ở cùng xã Hải Tân nên quen biết nhau. Trong các năm 2015, 2016 anh Tới, chị Nụ có hỏi vay tiền, vàng của anh

chị nhiều lần mục đích để xây nhà, làm kinh tế và chữa bệnh hiểm muộn sinh con, cụ thể như sau:

* Về số tiền đã vay:

- Ngày 15/9/2015 (tức ngày 03/8/2015 âm lịch) cho vay 236.000.000đ.
- Ngày 07/11/2015 (tức ngày 26/9/2015 âm lịch) cho vay 100.000.000đ.
- Ngày 10/12/2015 (tức ngày 29/10/2015 âm lịch) cho vay 5.000.000đ.

Tổng cộng là 341.000.000đ, đã trả nợ được 27.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ gốc là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng).

* Về số vàng đã vay:

- Ngày 31/5/2015 (tức ngày 14/4/2015 âm lịch) cho vay 25 chỉ vàng 24k.
- Ngày 15/9/2015 (tức ngày 03/8/2015 âm lịch) cho vay 23 chỉ vàng 24k.
- Ngày 11/10/2015 (tức ngày 29/8/2015 âm lịch) cho vay 11,5 chỉ vàng 24k.
- Ngày 12/11/2015 (tức ngày 01/10/2015 âm lịch) cho vay 18 chỉ vàng 24k.
- Ngày 26/11/2015 (tức ngày 15/10/2015 âm lịch) cho vay 30 chỉ vàng 24k.
- Ngày 05/02/2016 (tức ngày 27/12/2015 âm lịch) cho vay 14 chỉ vàng 24k.

Tổng cộng là 121,5 (Một trăm hai mươi một phẩy năm) chỉ vàng 24k, đã trả gốc được 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24k, còn nợ gốc 106,5 (Một trăm linh sáu phẩy năm) chỉ vàng 24k.

Các lần vay tiền, vay vàng trên đều do chị Nụ hoặc anh Tới trực tiếp nhận và viết biên nhận theo mẫu in sẵn của gia đình đưa cho (trong đó chị Nụ tự viết và ký tên 08 giấy biên nhận; anh Tới viết và ký tên 01 giấy biên nhận ngày 27/12/2015 âm lịch). Các giấy biên nhận không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất vay nhưng thực tế có thỏa thuận miệng lãi tiền là 2%/tháng, lãi vàng thì cứ 10 chỉ vàng 24k phải trả lãi 01 chỉ vàng 24k/năm (tức 10%/năm) và thống nhất khi nào cần thu nợ thì báo trước 10 ngày cho vợ chồng anh Tới, chị Nụ. Nguồn gốc tiền, vàng cho vay có một phần là tài sản của vợ chồng anh chị, còn lại cũng đi vay mượn của người khác để cho vay lại. Kể từ khi vay cho đến nay vợ chồng anh Tới, chị Nụ chưa trả lãi cho anh chị. Việc chị Nụ khai đã trả gốc khoản vay 236.000.000 đồng và đã lấy lại bản gốc giấy biên nhận vay số tiền này cũng như việc chị Nụ trả lãi cao cho anh chị là không đúng. Do không đòi được nợ, anh Giang, chị Tươi khởi kiện vụ án ra tòa án, yêu cầu vợ chồng anh Trần Văn T, chị Trần Thị N phải liên đới thanh toán số nợ cho anh chị với tổng số tiền nợ gốc là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng) và 106,5 (Một trăm linh sáu phẩy năm) chỉ vàng 24k; không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị với vợ chồng anh Giang, chị Tươi có mối quan hệ quen biết là do ở cùng xã. Chị công nhận có vay tiền, vàng của chị Tươi nhiều lần và ký các giấy biên nhận như chị Tươi trình bày là đúng nhưng thực tế chị

không được nhận tiền, vàng. Khoản nợ này là số lãi chưa trả được chuyển thành khoản vay mới nên chỉ ký công nhận.

Thời gian đầu vay có thỏa thuận miệng là 100.000.000 đồng gốc thì phải trả lãi là 7.000.000 đồng/01 tháng; đối với vàng thì cứ 10 chỉ vàng gốc thì phải trả lãi là 06 chỉ vàng/năm; hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Lý do chị vay tiền, vàng của chị Tươi là sử dụng để chi tiêu, làm kinh tế và trả nợ. Khi vay, chị không nói cho chồng là anh Trần Văn T biết nên khoản nợ này là do một mình chị vay, anh Tới không có liên quan gì. Việc anh Tới có vay riêng của chị Tươi, anh Giang thế nào thì chị không ký vay cùng anh Tới, chị chỉ nghe thấy anh Tới nói vay đã trả nợ xong rồi nên chị không biết và không liên quan. Do chị không ghi chép lại việc trả nợ gốc, nợ lãi nên không nhớ cụ thể nhưng khi trả xong khoản gốc nào thì chị Tươi đưa lại bản gốc giấy biên nhận cho chị. Theo chị Tươi thì chị mới trả được số vàng gốc đã vay là 15 chỉ vàng thì chị không có ý kiến gì về số vàng đã trả. Đối với số tiền gốc chị đã trả xong khoản vay 236.000.000đ (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng) cho vợ chồng chị Tươi và chị đã nhận lại bản gốc giấy biên nhận do chị Tươi đưa. Đến nay không biết vì sao chị Tươi vẫn còn giữ 01 bản gốc khác để khởi kiện đòi nợ. Tuy nhiên, chị không yêu cầu giám định chữ ký của chị trong các giấy biên nhận gốc này, chị Tươi đi kiện thì phải tự đi giám định. Về việc trả lãi thì thời gian đầu chị có trả với lãi suất cao, đến cuối năm 2015 chị bị vỡ nợ nên chỉ trả lãi cho chị Tươi được vài tháng, chị không ghi chép lại nên không nhớ đã trả bao nhiêu lãi, trả đến thời gian nào. Chị không yêu cầu giải quyết lại về số lãi đã trả. Nay anh Giang, chị Tươi khởi kiện yêu cầu chị thanh toán số nợ gốc của tiền và vàng, do gia đình chị đang gặp khó khăn nên chị xin trả với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Vì trước đó đã trả lãi cao và trả nhiều rồi; nếu chị Tươi không đồng ý thì chị đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh Tới xác nhận vào biên bản giao nhận là có vay của anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 14 chỉ vàng và anh đã trả hết số nợ này.

* Với nội dung vụ án nêu trên, Tại bản án dân sự sơ thẩm số 135/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS); điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng) và 92,5 (Chín mươi hai phẩy năm) chỉ vàng 24k.

Buộc anh Trần Văn T phải trả cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 14 (Mười bốn) chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án.

Ngày 11-10-2021, bị đơn chị Trần Thị N kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không đồng ý với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Trần Thị N và là người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn T đã tự nguyện thỏa thuận được với chị Đàm Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn G. Cụ thể như sau: Theo quyết định tại bản án dân sự sơ thẩm số 135/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thì chị Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng) và 92,5 (Chín mươi hai phẩy năm) chỉ vàng 24k. Anh Trần Văn T phải trả cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 14 (Mười bốn) chỉ vàng 24k. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận là chị Trần Thị N và anh Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Đàm Thị T và anh Bùi Văn G với tổng số nợ còn lại là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Ngoài ra, giữa hai bên không còn khoản nợ liên quan nào khác và được chị Đàm Thị T đồng ý. Hai bên đã làm thủ tục viết biên bản thỏa thuận. Các đương sự thực hiện việc thỏa thuận giải quyết vụ án trong tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần tỉnh táo, minh mẫn và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Việc thỏa thuận được lập thành biên bản, các bên cùng ký và ghi rõ họ tên.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung kháng cáo, Tại phiên tòa Chị Trần Thị N và chị Đàm Thị T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Đàm Thị T và anh Bùi Văn G với tổng số tiền nợ là 300.000.000 đồng và được chị Tươi đồng ý. Hai bên đã làm thủ tục viết biên bản thỏa thuận. Xét việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và không trái đạo đức và không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 300 BLTTHS sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Án phí các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của chị Trần Thị N làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Bùi Văn G và chị Đàm Thị T khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị N trả số tiền vay là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng) với tiền lãi thỏa thuận bằng miệng là 2%/ tháng và trả số vàng vay là 92,5 (Chín mươi hai phẩy năm) chỉ vàng 24k. Buộc anh Trần Văn T phải trả

cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 14 (Mười bốn) chỉ vàng 24k. Với mức lãi suất cứ 10 chỉ vàng 24k phải trả lãi 01 chỉ vàng 24k/năm (tức 10%/năm). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của BLTTDS; Điều 463, 466, 468, 469 của BLDS, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ và đúng với quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Trần Thị N và quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Thị N là bị đơn trong vụ án, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn T đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ những vấn đề liên quan đến vụ án và liên quan đến kháng cáo với chị Đàm Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn G.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự thực hiện trong tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần tỉnh táo, minh mẫn và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và không trái đạo đức và không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận. Việc thỏa thuận được lập thành biên bản, các bên cùng ký và ghi rõ họ tên. Cụ thể như sau: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Đàm Thị T và anh Bùi Văn G với tổng số tiền nợ là 300.000.000 đồng và được chị Tươi đồng ý nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị Trần Thị N và anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 BLTTDS. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 357, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Văn T và chị Trần Thị N.

2.2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T với bị đơn chị Trần Thị N và anh Trần Văn T. Nội dung thỏa thuận như sau: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Theo như biên bản thỏa thuận ngày 15-3-2022 giữa chị Trần Thị N với chị Đàm Thị T.

Cụ thể: Đến ngày 15-5-2022 Vợ chồng chị Trần Thị N, anh Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán nợ cho vợ chồng anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Số nợ còn lại là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) Vợ chồng chị Trần Thị N, anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T trong thời hạn 2

năm 6 tháng (tính từ ngày 15-5-2022). Nếu không sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T phải nộp 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Bùi Văn G, chị Đàm Thị T số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2017/0002682 ngày 01-7-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Tuyên trả chị Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005966 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định nhưng tạm giữ để thi hành án.

Kể từ sau ngày kết thúc việc trả nợ theo như biên bản thỏa thuận ngày 15-3-2022 mà các bên chưa thi hành xong, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Cảnh

